

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm
đối với cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quy định số 132-QĐ/TW ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Ban Chấp hành Trung ương về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số



138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 451/TTr-SNV ngày 13 tháng 10 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; UBND các huyện, thành phố căn cứ Quy định này để xây dựng quy định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các đơn vị trực thuộc bảo đảm theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 742/QĐ-UBND ngày 28/5/2021 của UBND tỉnh quy định về đánh giá và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *aw*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Đảng ủy khối các cơ quan và DN tỉnh;
- Liên đoàn Lao động tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HCQT, TH (Th).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



aw
Hồ Văn Mười

QUY ĐỊNH

Đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
(Kèm theo Quyết định số **1725/QĐ-UBND** ngày **25/10/2022**
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

Quy định này quy định các tiêu chí, trình tự, thủ tục đánh giá và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố; các Hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh, huyện (sau đây gọi chung là các cơ quan, đơn vị).

Điều 2. Mục đích đánh giá

1. Thông qua đánh giá, xếp loại phản ánh đúng mức độ, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao và yêu cầu chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.
2. Đề ra các giải pháp để phát huy những mặt tích cực, khắc phục các mặt yếu kém trong hoạt động chỉ đạo, điều hành quản lý hành chính nhà nước. Kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị là tiêu chí quan trọng để xét thi đua - khen thưởng và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại

1. Đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức phải căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan, đơn vị được quy định tại các văn bản pháp luật của Nhà nước, của tỉnh và những công việc được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; đồng thời, xem xét đến yếu tố năng động, sáng tạo, hiệu quả trong tham mưu đề xuất và thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.
2. Hàng năm các cơ quan, đơn vị căn cứ quy định về tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ tại Quyết định này và đối chiếu với kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị để tự đánh giá, chấm điểm trên từng tiêu chí quy định, đảm bảo trung thực, chính xác.
3. Khi tiến hành đánh giá, xếp loại các cơ quan, đơn vị phải đảm bảo khách quan, khoa học, công khai, công bằng, dân chủ, phản ánh đúng những kết quả đã đạt được trong năm của cơ quan, đơn vị; đồng thời, xác định, làm rõ số lượng,



khối lượng công việc chưa hoàn thành trong năm của đơn vị và đề ra giải pháp khắc phục trong năm tiếp theo.

4. Căn cứ kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của cơ quan, tổ chức và quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị. Mức độ đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị không cao hơn mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức.

5. Các cơ quan, đơn vị được xếp loại thứ tự theo tổng số điểm đạt được từ cao xuống thấp. Cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định số lượng tập thể được xếp loại “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” không vượt quá 20% số tập thể được xếp loại “hoàn thành tốt nhiệm vụ” và được xếp theo từng nhóm đối tượng có vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ tương đồng.

Chương II

NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Điều 4. Nội dung, tiêu chí đánh giá và chấm điểm

1. Nội dung, tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với đối với cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với người đứng đầu các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Trưởng Ban Quản lý khu công nghiệp tỉnh (*theo Phụ lục số 1, kèm theo Quy định này*).

2. Nội dung, tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với UBND các huyện, thành phố và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với Chủ tịch UBND các huyện, thành phố (*theo Phụ lục số 2, kèm theo Quy định này*).

3. Nội dung, tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh (*theo Phụ lục số 3, Phụ lục số 4 kèm theo Quy định này*).

4. Nội dung, tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với các Hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh do Sở Nội vụ triển khai tổ chức thực hiện hàng năm; đối với các Hội có tính chất đặc thù cấp huyện do UBND các huyện, thành phố triển khai tổ chức thực hiện hàng năm.

5. Đối với các phòng, ban, đơn vị hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các cơ quan, đơn vị do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xây dựng Quy định tiêu chí, đánh giá chấm điểm theo quy định.

Điều 5. Thang điểm và Phương pháp chấm điểm

1. Thang điểm: **100** điểm theo các tiêu chí tại Phụ lục số 1, Phụ lục số 2, Phụ lục số 3, Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Quy định này.

2. Phương pháp chấm điểm: Căn cứ phương pháp tính điểm được quy định cụ thể trong các tiêu chí tại Phụ lục số 1, 2, 3, 4 ban hành kèm theo Quy

định này, các cơ quan, đơn vị đánh giá, tự chấm điểm theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Mức điểm cho mỗi tiêu chí là điểm tối đa khi hoàn thành tốt toàn bộ yêu cầu của tiêu chí đó và giảm trừ tương ứng theo mức độ kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Các cơ quan, đơn vị phải có bản báo cáo thuyết minh, giải trình, lượng hóa kết quả chấm điểm và tài liệu kiểm chứng của từng tiêu chí theo các Phụ lục của Quy định này.

3. Điểm thưởng và điểm trừ.

a) Điểm thưởng: Các thành viên Hội đồng đánh giá cho điểm thưởng đối với các cơ quan, đơn vị có thành tích đặc biệt xuất sắc trong tham mưu xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách, xây dựng được mô hình mới tạo được đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, mang tính khoa học và thực tiễn cao; tham mưu giải quyết tốt các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh công nhận; mỗi công việc, nhiệm vụ được thưởng không quá 02 điểm và tổng điểm thưởng không quá 05 điểm.

b) Điểm trừ: Các thành viên Hội đồng đánh giá trừ điểm đối với các cơ quan, đơn vị để xảy ra các vấn đề nổi cộm hoặc mất đoàn kết nội bộ mà các phương tiện thông tin, truyền thông, báo chí phản ánh, làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, kinh doanh; không thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao mà không có lý do chính đáng; bị phê bình, rút kinh nghiệm bằng văn bản; cơ quan, đơn vị có đơn thư khiếu nại, tố cáo đông người, kéo dài, vượt cấp; mỗi vụ việc vi phạm trừ không quá 02 điểm (bị văn bản phê bình của UBND tỉnh, mỗi văn bản trừ 01 điểm; bị văn bản yêu cầu rút kinh nghiệm của UBND tỉnh, mỗi văn bản trừ 0,5 điểm).

Điều 6. Mức độ xếp loại

1. Căn cứ vào nội dung đánh giá và điểm hoàn thành nhiệm vụ quy định tại Điều 4, Điều 5 Quy định này, Hội đồng đánh giá mức hoàn thành nhiệm vụ hàng năm theo **04** mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Hoàn thành tốt nhiệm vụ và, Hoàn thành nhiệm vụ, Không hoàn thành nhiệm vụ. Cụ thể:

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: **20%** trong tổng số đơn vị đánh giá, lấy kết quả từ cao xuống thấp trong các đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ; khi có 02 đơn vị bằng điểm nhau thì quyết định bằng cách bốc phiếu, nếu kết quả bằng nhau thì Chủ tịch Hội đồng quyết định đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên cơ sở phân tích mặt mạnh, mặt yếu của các đơn vị đó.

b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Đạt từ **80** điểm đến **100** điểm;

c) Hoàn thành nhiệm vụ: Đạt từ **50** điểm đến **79** điểm;

d) Không hoàn thành nhiệm vụ có số điểm dưới **50** điểm.

2. Việc xếp loại các cơ quan, tổ chức bám sát quy định tại Điều 12 Quy định số 132-QĐ/TW ngày 08/3/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị cho đến khi có hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Nội vụ về đánh giá, xếp loại các đơn vị hàng năm.

Chương III

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC HÀNG NĂM

Điều 7. Đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cán bộ, công chức, viên chức hàng năm

Đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cán bộ, công chức, viên chức hàng năm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức và theo phân cấp của tỉnh.

Chương IV

THẨM QUYỀN ĐÁNH GIÁ, HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ, HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ

Điều 8. Thẩm quyền đánh giá

1. Chủ tịch UBND tỉnh thành lập Hội đồng đánh giá, xếp loại đối với: (1) Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố; (2) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; (3) Phó Thủ trưởng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; (4) Chủ tịch các Hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh.

2. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh thành lập Hội đồng đánh giá để đánh giá, xếp loại đối với: (1) Phó Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; (2) các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; (3) cấp trưởng, cấp phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; (4) cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

3. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố thành lập Hội đồng đánh giá để đánh giá, xếp loại đối với: (1) Phó Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; (2) các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, các Hội có tính chất đặc thù cấp huyện, UBND cấp xã; (3) cấp trưởng, cấp phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; (4) Chủ tịch UBND cấp xã; (5) cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

4. Giám đốc Sở Nội vụ tổ chức đánh giá, xếp loại đối với các Hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh; Chủ tịch các Hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh đánh giá, xếp loại đối với Phó Chủ tịch các Hội, các phòng, ban và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

Điều 9. Thành lập Hội đồng đánh giá

1. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Thành phần Hội đồng

- Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc Sở Nội vụ;
- Các Ủy viên Hội đồng gồm đại diện lãnh đạo các cơ quan:

+ Mời đại diện lãnh đạo: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh;

+ Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh, Cục Thống kê tỉnh;

+ Ban Thi đua - Khen thưởng thuộc Sở Nội vụ; Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc Sở Nội vụ, kiêm thư ký.

- Sở Nội vụ là cơ quan Thường trực của Hội đồng đánh giá cấp tỉnh.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng

Căn cứ hồ sơ tự đánh giá của từng cơ quan, đơn vị về đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm theo các tiêu chí quy định tại Quyết định này để thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền đánh giá, xếp loại của UBND tỉnh.

c) Tổ giúp việc của Hội đồng

- Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm thành lập Tổ giúp việc, thành phần gồm:

+ 01 Lãnh đạo Sở Nội vụ: Tổ trưởng;

+ Các Thành viên: Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc các cơ quan, đơn vị: Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh, Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Thanh tra tỉnh.

- Tổ giúp việc có nhiệm vụ: Căn cứ hồ sơ của các cơ quan, đơn vị để tham mưu, giúp Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các cơ quan, đơn vị; tổng hợp số điểm tự chấm của các cơ quan đơn vị, thống kê các kết quả đạt được và chưa đạt được của các cơ quan, đơn vị; dự kiến kết quả nhiệm vụ hàng năm của cơ quan, đơn vị và sau đó xin ý kiến của cơ quan thường trực về số điểm đạt được của các cơ quan, đơn vị trước khi trình Hội đồng đánh giá thông qua.

Các thành viên của Tổ giúp việc là đại diện của các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phối hợp với các phòng, ban của cơ quan, đơn vị để thực hiện việc rà soát, theo dõi, thống kê các kết quả nhiệm vụ của đối tượng đánh giá theo tiêu chí đánh giá tại Quy định này để phục vụ cho việc đánh giá cơ quan, đơn vị, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị vào cuối năm.

2. Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh

a) Thành phần Hội đồng

Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng đánh giá, thành phần gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị;

- Phó Chủ tịch Hội đồng: Cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị.

- Ủy viên Hội đồng kiêm thư ký: Lãnh đạo Phòng làm công tác quản lý công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị.

- Các thành viên Hội đồng gồm đại diện lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị thuộc cơ quan, đơn vị.

- Mời đại diện cấp ủy Đảng, các tổ chức đoàn thể trong phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị.

Phòng làm công tác quản lý công chức, viên chức là tổ chức thường trực của Hội đồng.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng

- Căn cứ vào Quy định này, Hội đồng đánh giá của các cơ quan, đơn vị xây dựng, trình Thủ trưởng cơ quan, đơn vị ban hành Quy định đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với cơ quan, đơn vị trực thuộc và công chức, viên chức và người lao động thuộc thẩm quyền theo quy định.

- Tổ chức việc đánh giá, chấm điểm xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các tiêu chí quy định và hoàn tất các thủ tục đề nghị Hội đồng đánh giá cấp tỉnh đánh giá, xếp loại theo quy định.

- Thực hiện xem xét thẩm định, trình người đứng đầu đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của các đơn vị trực thuộc; công chức, viên chức và người lao động thuộc thẩm quyền theo quy định.

3. Đối với UBND cấp huyện

a) Thành phần Hội đồng

Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của UBND cấp huyện, thành phần gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch UBND cấp huyện;

- Phó Chủ tịch Hội đồng: Các Phó Chủ tịch UBND cấp huyện;

- Ủy viên Hội đồng kiêm thư ký: Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện;

- Các Ủy viên Hội đồng gồm đại diện lãnh đạo các cơ quan chuyên môn cấp huyện do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định số lượng và thành phần.

- Mời đại diện: Thường trực HĐND cấp huyện; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện; lãnh đạo Ban Tổ chức, Huyện ủy, Thành ủy; Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy, Thành ủy; Liên đoàn lao động cấp huyện tham gia Hội đồng.

Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng đánh giá.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng

- Căn cứ vào Quy định này, Hội đồng đánh giá cấp huyện tiến hành họp, xem xét, đánh giá, chấm điểm xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo các tiêu chí quy định và hoàn tất các thủ tục trình Chủ tịch UBND cấp huyện báo cáo, trình Hội đồng đánh giá cấp tỉnh đánh giá, xếp loại theo quy định.

- Thực hiện việc xem xét thẩm định, trình Chủ tịch UBND cấp huyện đánh giá xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm của cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền theo quy định.

Điều 10. Hồ sơ và thời gian nộp kết quả tự đánh giá, xếp loại

1. Hồ sơ đánh giá

Sau khi hoàn thành việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị hoàn thiện hồ sơ gửi về cơ quan thường trực Hội đồng đánh giá cấp tỉnh (qua Sở Nội vụ), để tổng hợp đánh giá xếp loại hàng năm.

a) Đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh.

Hồ sơ gồm có:

- Văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xét công nhận kết quả hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với cơ quan, đơn vị và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

- Biên bản họp xét của Hội đồng đánh giá.

- Báo cáo tự chấm điểm của cơ quan, đơn vị theo tiêu chí đánh giá, chấm điểm tại Điều 4 (*Phụ lục số 1, kèm theo Quy định này*); báo cáo do lãnh đạo cơ quan, đơn vị ký tên, đóng dấu.

- Tài liệu kiểm chứng kèm theo báo cáo (tài liệu kiểm chứng các tiêu chí tại Phụ lục số 1 kèm theo Quy định này).

- Quyết định công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các phòng, đơn vị trực thuộc.

- Kết quả đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

- Báo cáo tự kiểm điểm, tự đánh giá của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; bản nhận xét, đánh giá của cơ quan, đơn vị đối với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị đó và đề xuất mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

b) Đối với UBND cấp huyện

Hồ sơ gồm có:

- Văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xét công nhận kết quả hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với UBND cấp huyện và Chủ tịch UBND cấp huyện.

- Biên bản họp xét của Hội đồng đánh giá.

- Báo cáo tự chấm điểm của cơ quan, đơn vị theo Tiêu chí đánh giá, chấm điểm đối với UBND cấp huyện theo Điều 4 (*Phụ lục số 2, kèm theo Quy định này*); báo cáo do lãnh đạo UBND cấp huyện ký tên, đóng dấu.

- Tài liệu kiểm chứng kèm theo báo cáo (tài liệu kiểm chứng theo Phụ lục số 2 kèm theo Quy định này).

- Quyết định công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc.

- Kết quả đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

- Báo cáo tự kiểm điểm, tự đánh giá của Chủ tịch UBND cấp huyện; bản nhận xét, đánh giá của UBND cấp huyện đối với Chủ tịch UBND cấp huyện và đề xuất mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với Chủ tịch UBND cấp huyện.

c) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh

Hồ sơ gồm có:

- Văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xét công nhận kết quả hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với cơ quan, đơn vị và lãnh đạo cơ quan, đơn vị.

- Biên bản họp xét của Hội đồng đánh giá.

- Báo cáo tự chấm điểm của cơ quan, đơn vị theo tiêu chí đánh giá, chấm điểm tại Điều 4 (*Phụ lục số 3, Phụ lục số 4, kèm theo Quy định này*); báo cáo do Thủ trưởng đơn vị ký tên, đóng dấu.

- Tài liệu kiểm chứng kèm theo báo cáo (tài liệu kiểm chứng kèm theo Phụ lục số 3, Phụ lục số 4 Quy định này).

- Quyết định công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, các đơn vị trực thuộc.

- Kết quả đánh giá công chức, viên chức hàng năm.

- Báo cáo tự kiểm điểm, tự đánh giá của lãnh đạo cơ quan, đơn vị; bản nhận xét, đánh giá của cơ quan, đơn vị đối với lãnh đạo cơ quan, đơn vị đó và đề xuất mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với lãnh đạo cơ quan, đơn vị.

d) Đối với các Hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh

Hồ sơ gồm có:

- Văn bản đề nghị Sở Nội vụ xét công nhận kết quả hoàn thành nhiệm vụ hàng năm.

- Biên bản họp xét của cơ quan, đơn vị.

- Báo cáo đánh giá hoạt động hội theo Mẫu 16, Phụ lục I kèm theo Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16/4/2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

- Kết quả đầu ra từng công việc trong chương trình công tác hàng năm đã đăng ký (*theo Phụ lục số 5, kèm theo Quy định này*).

- Kết quả đánh giá cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

- Báo cáo tự kiểm điểm, tự đánh giá của Chủ tịch Hội; bản nhận xét, đánh giá của cơ quan đối với Chủ tịch Hội.

2. Thời gian nộp hồ sơ đánh giá

a) Chậm nhất ngày **15 tháng 12** hàng năm, các cơ quan, đơn vị phải gửi hồ sơ đánh giá, tự chấm điểm cơ quan, đơn vị, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, Phó Thủ trưởng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh theo Quy định này về cơ quan thường trực Hội đồng đánh giá cấp tỉnh (Sở Nội vụ) để tổng hợp, trình Hội đồng đánh giá cấp tỉnh xem xét, thẩm định.

Hội đồng đánh giá cấp tỉnh hoàn thiện hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại chậm nhất trong **tháng 01** của năm sau liền kề năm đánh giá.

b) Trường hợp các cơ quan, đơn vị không gửi hồ sơ đánh giá, xếp loại về cơ quan thường trực Hội đồng đánh giá cấp tỉnh (Sở Nội vụ) theo thời gian quy định nêu trên thì Hội đồng đánh giá xem xét, quyết định **nhưng không vượt**

quá mức độ Hoàn thành nhiệm vụ. Trường hợp các cơ quan, đơn vị gửi hồ sơ đánh giá không đầy đủ, không đúng quy định thì đánh giá theo kết quả chấm điểm như hồ sơ đơn vị gửi.

Điều 11. Quy trình, trình tự đánh giá và thẩm quyền công nhận

1. Quy trình đánh giá, xếp loại

a) Hàng năm, các cơ quan, đơn vị tổ chức công tác đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm theo Quy định này, gửi toàn bộ hồ sơ và các văn bản có liên quan về cơ quan thường trực Hội đồng đánh giá cấp tỉnh (Sở Nội vụ).

b) Sở Nội vụ nhận hồ sơ, tổng hợp kết quả tự đánh mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các cơ quan, đơn vị và Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Trưởng ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố.

c) Tổ giúp việc của Hội đồng thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, đối chiếu kết quả tự chấm của các cơ quan, đơn vị theo các tiêu chí của Quy định này; tổng hợp báo cáo Hội đồng về kết quả đánh giá đối với tổ chức và lãnh đạo các cơ quan, đơn vị.

d) Hội đồng đánh giá cấp tỉnh tổ chức phiên họp để xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức và lãnh đạo cơ quan, đơn vị; trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

đ) Sở Nội vụ triển khai công tác đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh bảo đảm theo quy định, báo cáo kết quả cụ thể về UBND tỉnh sau khi triển khai thực hiện; thời hạn chậm nhất trong **tháng 01** của năm sau liền kề.

2. Thẩm quyền công nhận

a) Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh và UBND các huyện, thành phố. Xem xét, quyết định công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Phó Thủ trưởng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh.

b) Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh xem xét, quyết định xếp loại các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; cấp trưởng, cấp phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định. Xem xét, quyết định đánh giá, xếp loại đối với cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị đó.

c) Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, các Hội có tính chất đặc thù cấp huyện, UBND cấp xã; cấp trưởng, cấp phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc, các Hội có tính chất đặc thù cấp huyện; Chủ tịch UBND cấp

xã; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định. Xem xét, quyết định đánh giá, xếp loại đối với Phó Chủ tịch UBND các huyện, thành phố.

d) Giám đốc Sở Nội vụ xem xét, quyết định xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh. Chủ tịch Hội có tính chất đặc thù cấp tỉnh xem xét, quyết định đánh giá, xếp loại đối với Phó Chủ tịch Hội.

Điều 12. Chế độ khen thưởng, kỷ luật và giám sát đánh giá.

1. Các cơ quan, đơn vị được xếp loại đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Các cơ quan, đơn vị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ hoặc để xảy ra những vấn đề gây bức xúc trong dư luận, UBND tỉnh sẽ xem xét trách nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị theo quy định.

3. Hàng năm, Hội đồng đánh giá cấp tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc giám sát, đánh giá, kiểm tra kết quả thực hiện những quy định của Quy định này. Đồng thời, có biện pháp giải quyết tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện hoặc xử lý kỷ luật đối với các tổ chức, cá nhân có vi phạm theo quy định của pháp luật.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các tổ chức có liên quan

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, UBND các huyện, thành phố.

a) Tổ chức triển khai, thực hiện nghiêm túc Quy định này; hàng năm, có trách nhiệm tự đánh giá, chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị theo quy định, đảm bảo tính trung thực và khách quan, báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) theo đúng thời gian quy định.

b) Đối với việc xây dựng Quy định đánh giá các phòng, ban, đơn vị trực thuộc: Các cơ quan, đơn vị phải cụ thể hóa các tiêu chí đánh giá, chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm theo Quy định này và các văn bản hướng dẫn đánh giá đối với ngành, lĩnh vực (giáo dục, y tế và các ngành khác); có thể bổ sung, đưa ra khỏi tiêu chí đánh giá những nội dung không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, tổ chức trực thuộc nhưng phải bảo đảm chặt chẽ, khoa học, không bỏ sót nhiệm vụ.

2. Giao các cơ quan, đơn vị sau đây lập danh sách theo dõi, đánh giá mức độ thực hiện các nhiệm vụ có liên quan đến thẩm quyền quản lý, gửi về Hội đồng đánh giá cấp tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) **trước ngày 15 tháng 12 hàng năm** để làm cơ sở đánh giá, xếp loại, cụ thể như sau:

a) Giao Sở Nội vụ theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy định này; kịp thời tổng hợp những vấn đề vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi, bổ sung,

trình UBND tỉnh xem xét, quyết định. Theo dõi các tiêu chí về cải cách hành chính, dân vận chính quyền (tại Mục II.A và 2.IV.A Phụ lục 1, Mục III.A và 2.V.A Phụ lục 2, Mục II.A và 2.IV.A Phụ lục 3, Mục II.A và 2.IV.A Phụ lục 4) và các tiêu chí liên quan khác theo chức năng, nhiệm vụ.

b) Giao Sở Tài chính theo dõi công tác lập dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước, các nội dung liên quan đến công tác tài chính tại các cơ quan, đơn vị, việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (tại Mục VII.A Phụ lục 1, Mục IX.A Phụ lục 2, Mục III.A Phụ lục 3, Mục III.A Phụ lục 4) và các tiêu chí liên quan khác theo chức năng, nhiệm vụ.

c) Giao Văn phòng UBND tỉnh đổi việc thực hiện Chương trình công tác trọng tâm, các nhiệm vụ UBND tỉnh giao cho các ngành, lĩnh vực; các văn bản phê bình, nhắc nhở của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh (tại Mục 1.I.A Phụ lục 1, 1.II.A Phụ lục 2, Mục 1.I.A Phụ lục 3, Mục 1.I.A Phụ lục 4) và các tiêu chí liên quan khác theo chức năng, nhiệm vụ.

d) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư theo dõi, đánh giá kết quả hỗ trợ doanh nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh đối với UBND các huyện, thành phố; phối hợp với Cục Thống kê tỉnh theo dõi, cung cấp tài liệu về các chỉ số phát triển kinh tế - xã hội của UBND cấp huyện; theo dõi công tác báo cáo định kỳ tháng, quý, năm của các cơ quan, đơn vị (tại Mục 2.I.A Phụ lục 1, Mục 2.II.A và Mục VIII.A Phụ lục 2, Mục I.A Phụ lục 3, Mục I.A Phụ lục 4) và các tiêu chí liên quan khác theo chức năng, nhiệm vụ.

đ) Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi, đánh giá công tác chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị (tại Mục III.A Phụ lục 1, Mục IV.A Phụ lục 2, Mục 5.A Phụ lục 3, Mục V.A Phụ lục 4).

e) Thanh tra tỉnh có trách nhiệm đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện các nội dung, tiêu chí về kết quả thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng theo kế hoạch; giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý sau thanh tra, kiểm tra (tại Mục V.A Phụ lục 1, Mục VI.A Phụ lục 2).

g) Sở Tài nguyên môi trường theo dõi, đánh giá các nội dung liên quan đến công tác đất đai tại các huyện, thành phố (tại Mục 4.VIII.A Phụ lục 2).

h) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, đánh giá tình hình sản xuất nông nghiệp, công tác phòng chống phá rừng, cháy rừng và trồng rừng tại các huyện, thành phố.

k) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy; Liên đoàn Lao động tỉnh; Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh theo dõi các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của mình về việc đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị và cung cấp thông tin theo đề nghị của Hội đồng đánh giá (thông qua Sở Nội vụ)./.

Phụ lục 1

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN CHUYÊN MÔN TRỰC THUỘC UBND TỈNH;
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 25 / 10 /2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú	
A	TỔNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CƠ QUAN, TỔ CHỨC (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX, không bao gồm điểm trừ)	100					
I	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị	69					
1	Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được UBND tỉnh phê duyệt; thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; hướng dẫn, phổ biến các văn bản mới của Trung ương, của Tỉnh ủy, của HĐND, UBND tỉnh về những lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.	66					
	Tổng điểm =						Số việc thực hiện x số điểm
							Tổng việc được giao
	* Trong đó số việc thực hiện: là những công việc hoàn thành đúng thời hạn, hiệu quả chất lượng đầu ra được cấp có thẩm quyền phê duyệt						
* Trường hợp có thực hiện công việc nhưng chậm thời gian theo quy định được tính bằng 1/2 công việc							



TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
	<i>* Trường hợp không thực hiện công việc hoặc tham mưu sai sót được tính là không hoàn thành</i>					
-	Triển khai, tổ chức thực hiện các văn bản cấp trên (Luật, văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh) về những lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị	36			<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản chỉ đạo; - Các văn bản triển khai thực hiện của đơn vị; - Kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh 	
-	Thực hiện nhiệm vụ theo Chương trình công tác trọng tâm (Đối với những nhiệm vụ thực hiện chậm vì lý do khách quan và được UBND tỉnh cho gia hạn thì không trừ điểm; đối với những nhiệm vụ không thể thực hiện vì lý do khách quan và được UBND tỉnh thống nhất thì bị trừ 1/2 điểm đối với nội dung đó)	30			<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình công tác được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Báo cáo, văn bản thực hiện của đơn vị; - Kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh; - Những nhiệm vụ trọng tâm đề nghị không trừ điểm phải có giải trình cụ thể 	

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
2	Chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo theo quy định của UBND tỉnh hàng tháng, quý, 6 tháng, năm đúng thời gian quy định, chất lượng, đầy đủ thông tin (Cơ quan, đơn vị nộp thiếu báo cáo năm: trừ 1,5 điểm; thiếu báo cáo quý: trừ 01 điểm; thiếu báo cáo tháng: trừ 0,5 điểm; cơ quan, đơn vị nộp chậm theo thời gian quy định hoặc báo cáo không thể hiện đầy đủ thông tin trừ bằng 1/2 tổng điểm quy định đối với từng loại báo cáo, nhưng tổng điểm trừ không quá 3 điểm)	3			- Các Báo cáo tháng, quý, năm của cơ quan, đơn vị; - Kết quả theo dõi của Sở Kế hoạch và Đầu tư	
II	Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính	7,5				
1	Chỉ số cải cách hành chính đạt 100 điểm	7,5			Kết quả chấm điểm của Sở Nội vụ	
2	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 90-99 điểm	6				
3	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 80-89 điểm	4,5				
4	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 70-79 điểm	3				
5	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 60-69 điểm	1,5				
6	Chỉ số cải cách hành chính đạt dưới 60 điểm	0				
III	Kết quả thực hiện công tác Chuyển đổi số	3				
1	Xếp hạng tốt	3			Kết quả đánh giá của Sở Thông tin và Truyền thông	
2	Xếp hạng khá	2				
3	Xếp hạng trung bình	1				
4	Xếp hạng yếu	0				
IV	Thực hiện quy chế dân chủ và công tác dân vận chính quyền	2,5				
1	Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	1				

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
	Thực hiện dân chủ theo quy định tại Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ; thực hiện tốt nội quy, quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị; công khai các nội dung có liên quan đến trách nhiệm, quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân <i>(không thực hiện 01 nội dung hoặc thực hiện không đầy đủ, hiệu quả chấm 0 điểm)</i>	0,5			Các văn bản triển khai; báo cáo kết quả thực hiện	
	Xây dựng và triển khai thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa Chính quyền với cấp ủy Đảng, Công đoàn và các tổ chức khác trong việc thực hiện QCDC <i>(không thực hiện 01 nội dung hoặc thực hiện không đầy đủ, hiệu quả chấm 0 điểm)</i>	0,5			Các văn bản triển khai; báo cáo kết quả thực hiện	
2	Công tác dân vận chính quyền	1,5				
	Hoàn thành tốt	1,5			Kết quả đánh giá của Sở Nội vụ	
	Hoàn thành khá	1				
	Hoàn thành	0,5				
	Không hoàn thành	0				
V	Kết quả thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng theo kế hoạch; giải quyết khiếu nại, tố cáo	4				
1	Ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng hàng năm <i>(Ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng năm chậm trừ 0.5 điểm; không ban hành kế hoạch năm trừ 01 điểm)</i>	1			Các văn bản, kế hoạch triển khai	

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
2	Kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, kiểm tra (Đạt từ 70 đến dưới 100% kế hoạch trừ 0.33 điểm; đạt 50% đến dưới 70% kế hoạch trừ 0.67 điểm; đạt dưới 50% kế hoạch trừ 01 điểm).	1			Các văn bản, kết luận sau kiểm tra	
3	Kê khai, công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định (Kê khai không đầy đủ, không đúng quy định trừ 01 điểm)	1			Báo cáo kết quả thực hiện; thống kê của Thanh tra tỉnh	
4	Thực hiện giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định (Giải quyết được 80% - dưới 100% đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết trừ 0,25 điểm; giải quyết được 50% - dưới 80% đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết trừ 0,5 điểm; giải quyết được dưới 50% đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết trừ 0,75 điểm).	1			Báo cáo kết quả thực hiện; thống kê của Thanh tra tỉnh	
VI	Thực hiện quy định của đảng, pháp luật của nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị	4				
1	Quản lý, sử dụng và thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện công tác văn thư - lưu trữ; công tác thi đua - khen thưởng đúng quy định.	0,5			Báo cáo kết quả thực hiện của đơn vị	

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
2	Không có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm bị kỷ luật, đạo đức lối sống; không có cán bộ vi phạm các tệ nạn xã hội. Có cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý trực tiếp bị kỷ luật (về Đảng, Chính quyền) theo các mức: khởi tố trừ 03 điểm; buộc thôi việc (hoặc cách chức) trừ 2,5 điểm; hạ bậc lương (hoặc giáng chức) trừ 02 điểm; cảnh cáo trừ 1,5 điểm, khiển trách trừ 01 điểm	3			Căn cứ các văn bản thi hành kỷ luật của cấp có thẩm quyền	
3	Kết quả cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 03/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh (Vi phạm lần đầu trừ 0,33 điểm; vi phạm từ 02-04 lần trừ 0,67 điểm; vi phạm từ 05 lần trở lên trừ 1 điểm).	0,5			Báo cáo kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra Chỉ thị 13	
VII	Công tác tài chính	5				
1	Xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, Kế hoạch tài chính 05 năm, Kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm	2,5				
-	Thực hiện đảm bảo nội dung, thời hạn	2,5				
-	Thực hiện không đảm bảo nội dung	1,25				
-	Thực hiện không đảm bảo thời hạn	1,25				
-	Không thực hiện (hoặc thực hiện nhưng không đảm bảo cả nội dung và thời hạn)	0				
2	Lập Báo cáo Tài chính và Báo cáo quyết toán hằng năm	2,5				
-	Thực hiện đảm bảo nội dung, thời hạn	2,5				
-	Thực hiện không đảm bảo nội dung	1,25				

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
-	<i>Thực hiện không đảm bảo thời hạn</i>	1,25				
-	<i>Không thực hiện (hoặc thực hiện nhưng không đảm bảo cả nội dung và thời hạn)</i>	0				
VIII	Điểm cộng, điểm trừ	5				
1	Điểm cộng <i>(Các thành viên Hội đồng đánh giá cho điểm thưởng đối với các cơ quan, đơn vị có Đề án ứng dụng thực tiễn)</i>	5			Báo cáo giải trình điểm thưởng kèm theo Đề án, dự án hoặc các tài liệu liên quan	
2	Điểm trừ <i>(Các thành viên Hội đồng đánh giá trừ điểm đối với đơn vị như nội dung tại điểm b, khoản 3, Điều 5 của Quy định; mỗi vụ việc trừ 02 điểm; đơn vị bị văn bản phê bình của UBND tỉnh mỗi văn bản trừ 01 điểm; đơn vị bị văn bản yêu cầu rút kinh nghiệm của UBND tỉnh trừ 0,5 điểm)</i>				Văn bản phê bình và các văn bản có liên quan	
B	ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Mức độ: HTXSNV; HTTNV; HTNV; KHTNV			Theo quy định tại Nghị định số 90/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Quy định này	

Phụ lục 2

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

(Kèm theo Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
A	TỔNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI UBND CẤP HUYỆN (I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII, không bao gồm điểm trừ)	100				
I	<p>Kết quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng an ninh, đối ngoại trên địa bàn cấp huyện theo các chỉ tiêu được Nghị quyết của HĐND cấp huyện phê chuẩn kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh</p> <p>+ Đạt 100% kế hoạch trở lên: được điểm chuẩn tối đa;</p> <p>+ Đạt từ 70% đến dưới 100% KH: được 2/3 điểm chuẩn tối đa;</p> <p>+ Đạt 50% đến dưới 70% KH: được 1/2 điểm chuẩn tối đa;</p> <p>+ Đạt dưới 50% KH: 0 điểm;</p>	20			Nghị quyết của HĐND huyện, Kế hoạch của UBND nhân dân huyện; Báo cáo kết quả thực hiện và theo dõi của các Sở, ngành liên quan	
1	Nhóm tiêu chí về kinh tế	7,5				
-	Tốc độ tăng trưởng kinh tế	1				
-	Thu nhập bình quân đầu người	1				
-	Tổng giá trị sản xuất	1				
-	Cơ cấu giá trị sản xuất theo ngành kinh tế	1				
-	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	1				
-	Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	1				
-	Hạ tầng giao thông	0,5				
-	Hạ tầng cấp, thoát nước và đô thị	0,5				
-	Hạ tầng cấp điện	0,5				
2	Nhóm tiêu chí về Văn hóa – Xã hội	3				

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
-	Tốc độ tăng dân số	0,5				Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo dõi
-	Lao động và việc làm	0,5				
-	Giảm nghèo	0,5				
-	Y tế	0,5				
-	Giáo dục	0,5				
-	Văn hóa	0,5				
3	Nhóm tiêu chí về môi trường	4				
-	Tỷ lệ che phủ rừng	1				
-	Xử lý chất thải rắn	0,5				
-	Xử lý nước thải	1				
-	Xử lý ô nhiễm không khí	0,5				
-	Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch	1				
4	Nhóm tiêu chí về an ninh trật tự	2				
-	Kết quả phòng chống tội phạm	1				Công an tỉnh theo dõi
-	Kết quả giảm tỷ lệ tai nạn giao thông	0,5				
-	Công tác phòng chống cháy nổ	0,5				
5	Nhóm tiêu chí về quốc phòng	1,5				
-	Kết quả tuyển quân	0,5				Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh theo dõi
-	Kết quả xây dựng dân quân tự vệ, dự bị động viên	1				
6	Nhóm tiêu chí nông thôn mới	2				Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh theo dõi
II	Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước	44				



TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú	
1	<p>Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật; xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch sau khi được UBND tỉnh phê duyệt; thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; hướng dẫn, phổ biến các văn bản mới của Chính phủ, của Tỉnh ủy, của HĐND, UBND tỉnh về những lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của UBND cấp huyện.</p>	41					
	<p>Tổng điểm =</p>						<p>Số việc thực hiện x số điểm</p>
							<p>Tổng việc được giao</p>
	<p><i>* Trong đó số việc thực hiện: là những công việc hoàn thành đúng thời hạn, hiệu quả chất lượng đầu ra được cấp có thẩm quyền phê duyệt</i></p>						
	<p><i>* Trường hợp có thực hiện công việc nhưng chậm thời gian theo quy định được tính bằng 1/2 công việc</i></p>						
<p><i>* Trường hợp không thực hiện công việc hoặc công việc không đảm bảo chất lượng được tính là không hoàn thành</i></p>							
-	<p>Triển khai, phối hợp, tổ chức thực hiện các văn bản cấp trên (Luật, văn bản của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, của Sở, ngành)</p>	21			<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản chỉ đạo; - Các văn bản triển khai thực hiện của đơn vị; - Kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh 		

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
-	Thực hiện nhiệm vụ theo Chương trình công tác trọng tâm (Đối với những nhiệm vụ thực hiện chậm vì lý do khách quan và được UBND tỉnh cho gia hạn thì không trừ điểm; đối với những nhiệm vụ không thể thực hiện vì lý do khách quan và được UBND tỉnh thống nhất thì bị trừ 1/2 điểm đối với nội dung đó)	20			- Chương trình công tác được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Báo cáo, văn bản thực hiện của đơn vị; - Kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh	
2	Chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo theo quy định của UBND tỉnh hàng tháng, quý, 6 tháng, năm đúng thời gian quy định, chất lượng, đầy đủ thông tin (Cơ quan, đơn vị nộp thiếu báo cáo năm: trừ 1,5 điểm; thiếu báo cáo quý: trừ 01 điểm; thiếu báo cáo tháng: trừ 0,5 điểm; cơ quan, đơn vị nộp chậm theo thời gian quy định hoặc báo cáo không thể hiện đầy đủ thông tin trừ bằng 1/2 tổng điểm quy định đối với từng loại báo cáo, nhưng tổng điểm trừ không quá 3 điểm)	3			Các Báo cáo tháng, quý, năm của cơ quan, đơn vị; kết quả theo dõi của Sở Kế hoạch và Đầu tư	
III	Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính	7,5				
1	Chỉ số cải cách hành chính đạt 100 điểm	7,5			Kết quả đánh giá của Sở Nội vụ	
2	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 90-99 điểm	6				
3	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 80-89 điểm	4,5				
4	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 70-79 điểm	3				
5	Chỉ số cải cách hành chính đạt từ 60-69 điểm	1,5				
6	Chỉ số cải cách hành chính đạt dưới 60 điểm	0				
IV	Kết quả thực hiện công tác Chuyển đổi số	3				
1	Xếp hạng tốt	3			Kết quả đánh giá của Sở Thông tin và Truyền thông	
2	Xếp hạng khá	2				
3	Xếp hạng trung bình	1				
4	Xếp hạng yếu	0				

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
V	Thực hiện quy chế dân chủ và công tác dân vận chính quyền	2,5				
1	Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	1				
	Thực hiện dân chủ theo quy định tại Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ; thực hiện tốt nội quy, quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị; công khai các nội dung có liên quan đến trách nhiệm, quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân <i>(không thực hiện 01 nội dung hoặc thực hiện không đầy đủ, hiệu quả chấm 0 điểm)</i>	0,5			Các văn bản triển khai; báo cáo kết quả thực hiện	
	Xây dựng và triển khai thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa Chính quyền với cấp ủy Đảng, Công đoàn và các tổ chức khác trong việc thực hiện QCDC <i>(không thực hiện 01 nội dung hoặc thực hiện không đầy đủ, hiệu quả chấm 0 điểm)</i>	0,5			Các văn bản triển khai; báo cáo kết quả thực hiện	
2	Công tác dân vận chính quyền	1,5				
	Hoàn thành tốt	1,5			Kết quả đánh giá của Sở Nội vụ	
	Hoàn thành khá	1				
	Hoàn thành	0,5				
	Không hoàn thành	0				
VI	Kết quả thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng theo kế hoạch; giải quyết khiếu nại, tố cáo	4				

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
1	Ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng hàng năm <i>(Ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng năm chậm trừ 0,5 điểm; không ban hành kế hoạch năm trừ 01 điểm)</i>	1			Các văn bản, kế hoạch triển khai	
2	Kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra và xử lý sau thanh tra, kiểm tra <i>(Đạt từ 70 đến dưới 100% kế hoạch trừ 0,33 điểm; đạt 50% đến dưới 70% kế hoạch trừ 0,67 điểm; đạt dưới 50% kế hoạch trừ 01 điểm).</i>	1			Các văn bản, kết luận sau kiểm tra; Thống kê của Thanh tra tỉnh	
3	Kê khai, công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định <i>(Kê khai không đầy đủ, không đúng quy định trừ 01 điểm)</i>	1			Báo cáo kết quả thực hiện; thống kê của Thanh tra tỉnh	
4	Thực hiện giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định <i>(Giải quyết được 80% - dưới 100% đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết trừ 0,25 điểm; giải quyết được 50% - dưới 80% đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết trừ 0,5 điểm; giải quyết được dưới 50% đơn, thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết trừ 0,75 điểm).</i>	1			Báo cáo kết quả thực hiện; thống kê của Thanh tra tỉnh	
VII	Thực hiện quy định của đảng, pháp luật của nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị	4				

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
1	Quản lý, sử dụng và thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện công tác văn thư - lưu trữ; công tác thi đua - khen thưởng đúng quy định.	0,5			Báo cáo kết quả thực hiện của đơn vị	
2	Không có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật, đạo đức lối sống; không có cán bộ vi phạm các tệ nạn xã hội. Có cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý trực tiếp bị kỷ luật (về Đảng, Chính quyền) theo các mức: khởi tố trừ 03 điểm; buộc thôi việc (hoặc cách chức) trừ 2,5 điểm; hạ bậc lương (hoặc giáng chức) trừ 02 điểm; cảnh cáo trừ 1,5 điểm, khiển trách trừ 01 điểm	3			Căn cứ các văn bản thi hành kỷ luật của cấp có thẩm quyền	
3	Kết quả cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 03/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh (Vi phạm lần đầu trừ 0,33 điểm; vi phạm từ 02-04 lần trừ 0,67 điểm; vi phạm từ 05 lần trở lên trừ 1 điểm)	0,5			Báo cáo kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra Chỉ thị 13	
VIII	Kết quả hỗ trợ doanh nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh	5				
1	Kết quả chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chính sách, quy định nhà nước và của tỉnh tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh (đánh giá khả năng thực hiện các chính sách, quy định nhà nước và của tỉnh: tốt 01 điểm; khá 0,5 điểm; còn lại 0 điểm).	1			Báo cáo kết quả thực hiện; theo dõi của Sở Kế hoạch và Đầu tư	

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
2	Kết quả thu hút đầu tư (<i>đánh giá theo tỷ lệ thu hút đầu tư so với mức trung bình toàn tỉnh: cao 01 điểm; khá 0,5 điểm; trung bình 0 điểm</i>).	1			Báo cáo kết quả thực hiện; theo dõi của Sở Kế hoạch và Đầu tư	
3	Thực hiện công bố công khai về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đơn giá bồi thường GPMB; thông tin thường xuyên về các cơ chế, chính sách, chính sách thuế (<i>thực hiện công bố công khai: 01 điểm; thực hiện chưa tốt: 0,5 điểm; không thực hiện: 0 điểm</i>).	1			Văn bản triển khai và kết quả triển khai thực hiện công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; theo dõi của Sở Tài nguyên và Môi trường	
4	Khả năng tiếp cận đất đai	1			Văn bản theo dõi của Sở Tài nguyên và Môi trường	
-	Sự phù hợp của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện (<i>phù hợp được 0,5 điểm; thực hiện điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch: 0 điểm</i>)	0,5			Nộp báo cáo kết quả triển khai các chỉ tiêu sử dụng đất của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được UBND tỉnh phân bổ cho các huyện, thành phố	
-	Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng (<i>chậm tiến độ dự án trừ 0,5 điểm</i>)	0,5			Báo cáo tiến độ và kết quả triển khai thực hiện dự án theo từng giai đoạn về công tác bồi thường giải phóng mặt bằng	
5	Kết quả hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp	1			Các văn bản triển khai và kết quả thực hiện; văn bản theo dõi của Sở Kế hoạch và Đầu tư	
IX	Công tác tài chính	5				
1	Xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, Kế hoạch tài chính 05 năm, Kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm	2,5			Các văn bản gửi cơ quan có thẩm quyền	
-	<i>Thực hiện đảm bảo nội dung, thời hạn</i>	2,5				
-	<i>Thực hiện không đảm bảo nội dung</i>	1,25				

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
-	Thực hiện không đảm bảo thời hạn	1,25				
-	Không thực hiện (hoặc thực hiện nhưng không đảm bảo cả nội dung và thời hạn)	0				
2	Lập Báo cáo Tài chính và Báo cáo quyết toán hằng năm	2,5			Báo cáo Tài chính và Báo cáo quyết toán	
-	Thực hiện đảm bảo nội dung, thời hạn	2,5				
-	Thực hiện không đảm bảo nội dung	1,25				
-	Thực hiện không đảm bảo thời hạn	1,25				
-	Không thực hiện (hoặc thực hiện nhưng không đảm bảo cả nội dung và thời hạn)	0				
X	Điểm cộng, điểm trừ	5				
1	Điểm cộng (các thành viên Hội đồng đánh giá cho điểm thưởng đối với các cơ quan, đơn vị có Đề án ứng dụng thực tiễn)	5			Báo cáo giải trình điểm thưởng kèm theo Đề án, dự án hoặc các tài liệu liên quan	
2	Điểm trừ (Các thành viên Hội đồng đánh giá trừ điểm đối với đơn vị như nội dung tại điểm b, khoản 3, Điều 5 của Quy định; mỗi vụ việc trừ 02 điểm; đơn vị bị văn bản phê bình của UBND tỉnh mỗi văn bản trừ 01 điểm; đơn vị bị văn bản yêu cầu rút kinh nghiệm của UBND tỉnh trừ 0,5 điểm)				Văn bản phê bình và các văn bản có liên quan	
B	ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Mức độ: HTXSNV; HTTNV; HTNV; KHTNV			Theo quy định tại Nghị định số 90/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Quy định này	

Phụ lục 3

**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ ĐẢM BẢO
CHI THƯỜNG XUYÊN VÀ CHI ĐẦU TƯ, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN**

(Kèm theo Quyết định số 125 QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
A	TỔNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CƠ QUAN, TỔ CHỨC (I+II+III+IV+V+VI+VII, không bao gồm điểm trừ)	100				
I	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ	57				
	Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt; thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; hướng dẫn, phổ biến các văn bản mới của Trung ương, của Tỉnh ủy, của HĐND, UBND tỉnh về những lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.					
	Tổng điểm =	57				
	Số việc thực hiện x số điểm					
	Tổng việc được giao					
	<i>* Trong đó số việc thực hiện: là những công việc hoàn thành đúng thời hạn, hiệu quả chất lượng đầu ra được cấp có thẩm quyền phê duyệt</i>					
	<i>* Trường hợp có thực hiện công việc nhưng chậm thời gian theo quy định được tính bằng 1/2 công việc</i>					

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
	* Trường hợp không thực hiện công việc hoặc tham mưu sai sót được tính là không hoàn thành					
-	Thực hiện nhiệm vụ theo Chương trình công tác trọng tâm (Đối với những nhiệm vụ thực hiện chậm vì lý do khách quan và được UBND tỉnh cho gia hạn thì không trừ điểm; đối với những nhiệm vụ không thể thực hiện vì lý do khách quan và được UBND tỉnh thống nhất thì bị trừ 1/2 điểm đối với nội dung đó)	20			<ul style="list-style-type: none"> - Chương trình công tác được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Báo cáo, văn bản thực hiện của đơn vị; - Kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh; - Những nhiệm vụ trọng tâm đề nghị không trừ điểm phải có giải trình cụ thể 	
-	Triển khai, tổ chức thực hiện các văn bản cấp trên (Luật, văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh) về những lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị	34			<ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản chỉ đạo; - Các văn bản triển khai thực hiện của đơn vị; - Kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh 	
-	Chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo theo quy định của UBND tỉnh hàng tháng, quý, 6 tháng, năm đúng thời gian quy định, chất lượng, đầy đủ thông tin (Cơ quan, đơn vị nộp thiếu báo cáo năm: trừ 1,5 điểm; thiếu báo cáo quý: trừ 01 điểm; thiếu báo cáo tháng: trừ 0,5 điểm; cơ quan, đơn vị nộp chậm theo thời gian quy định hoặc báo cáo không thể hiện đầy đủ thông tin trừ bằng 1/2 tổng điểm quy định đối với từng loại báo cáo, nhưng tổng điểm trừ không quá 3 điểm)	3			<p>Các Báo cáo tháng, quý, năm của cơ quan, đơn vị; kết quả theo dõi của Sở Kế hoạch và Đầu tư</p>	

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
II	Tự chủ về tổ chức bộ máy và biên chế	8				
1	Tự chủ về tổ chức bộ máy, xây dựng Đề án vị trí việc làm	3				
	Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn của đơn vị; sắp xếp, tổ chức lại đơn vị phù hợp theo quy định; xây dựng, phê duyệt Đề án vị trí việc làm của đơn vị <i>(Thực hiện bảo đảm theo quy định tính 03 điểm; thực hiện bảo đảm theo quy định nhưng chậm tính 1/2 điểm; chưa thực hiện tính 0 điểm)</i>	3			Báo cáo kết quả, hồ sơ liên quan; kết quả theo dõi của Sở Nội vụ	
2	Về quản lý, sử dụng biên chế	3				
	Việc xây dựng kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm, quản lý, tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật; ký kết hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ <i>(Thực hiện bảo đảm theo quy định tính 03 điểm; thực hiện bảo đảm theo quy định nhưng chậm tính 1/2 điểm; chưa thực hiện tính 0 điểm)</i>	3			Báo cáo kết quả, hồ sơ liên quan; kết quả theo dõi của Sở Nội vụ	
3	Hội đồng quản lý	2				
	Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư phải thành lập Hội đồng quản lý để quyết định những vấn đề quan trọng trong quá trình hoạt động của đơn vị; ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ và phê duyệt quy chế hoạt động và tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động được giao <i>(Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chấm 0 điểm)</i> .	2			Văn bản, tài liệu minh chứng	

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
III	Thực hiện quy định về giao quyền tự chủ tài chính; lập, chấp hành dự toán thu, chi	16				
1	Giao quyền tự chủ tài chính	7				
-	Xây dựng phương án tự chủ tài chính trong giai đoạn ổn định 05 (năm) năm, phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội do Chính phủ quy định và đề xuất phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao <i>(Thực hiện bảo đảm theo quy định tính 05 điểm; thực hiện bảo đảm theo quy định nhưng chậm tính 1/2 điểm; chưa thực hiện tính 0 điểm)</i>	5			Quyết định phê duyệt hoặc văn bản có ý kiến của cấp có thẩm quyền; kết quả theo dõi của Sở Tài chính	
-	Báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp định kỳ hằng năm	2			Báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm hằng năm; kết quả theo dõi của Sở Tài chính	
+	<i>Thực hiện đảm bảo nội dung, thời hạn</i>	2				
+	<i>Thực hiện không đảm bảo nội dung</i>	1				
+	<i>Thực hiện không đảm bảo thời hạn</i>	1				
+	<i>Không thực hiện (hoặc thực hiện nhưng không đảm bảo cả nội dung và thời hạn)</i>	0				
2	Lập dự toán của đơn vị sự nghiệp	4				
-	Lập dự toán thu, chi năm đầu thời kỳ ổn định phân loại đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, nhiệm vụ của năm kế hoạch, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và căn cứ kết quả thu chi tài chính năm trước liền kề	2			Dự toán thu, chi được phê duyệt	

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
-	Lập dự toán 02 năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định phân loại đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở căn cứ kinh phí ngân sách Nhà nước đảm bảo hoạt động thường xuyên thực hiện chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao của năm trước liền kề và nhiệm vụ tăng hoặc giảm của năm kế hoạch	2			Dự toán thu, chi được phê duyệt	
3	Hạch toán kế toán và quyết toán	5				
-	Định kỳ vào cuối năm, đơn vị sự nghiệp lập báo cáo hạch toán kế toán, báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách và các báo cáo định kỳ khác gửi cơ quan quản lý cấp trên xét duyệt theo quy định <i>(Thiếu 01 báo cáo trừ 01 điểm, tổng số không trừ quá 05 điểm)</i>	5			Báo cáo quý, năm về hoạt động thu, chi ngân sách; kết quả theo dõi của Sở Tài chính	
IV	Thực hiện quy chế dân chủ và công tác dân vận chính quyền	4				
1	Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	1				
-	Thực hiện dân chủ theo quy định tại Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ; thực hiện tốt nội quy, quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị; công khai các nội dung có liên quan đến trách nhiệm, quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân <i>(không thực hiện 01 nội dung hoặc thực hiện không đầy đủ, hiệu quả chấm 0 điểm)</i>	0,5			Các văn bản triển khai; báo cáo kết quả thực hiện	

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
-	Xây dựng và triển khai thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa Chính quyền với cấp ủy Đảng, Công đoàn và các tổ chức khác trong việc thực hiện QCDC <i>(không thực hiện 01 nội dung hoặc thực hiện không đầy đủ, hiệu quả chấm 0 điểm)</i>	0,5			Các văn bản triển khai; báo cáo kết quả thực hiện	
2	Công tác dân vận chính quyền	3				
	Hoàn thành tốt	3			Kết quả đánh giá của Sở Nội vụ	
	Hoàn thành khá	2				
	Hoàn thành	1				
	Không hoàn thành	0				
V	Kết quả thực hiện công tác Chuyển đổi số	3				
1	Xếp hạng tốt	3			Kết quả đánh giá của Sở Thông tin và Truyền thông	
2	Xếp hạng khá	2				
3	Xếp hạng trung bình	1				
4	Xếp hạng yếu	0				
VI	Trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao	7				
1	Bảo đảm chất lượng dịch vụ sự nghiệp công theo các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định	2			Báo cáo kết quả chất lượng hoạt động được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho ý kiến	
2	Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản nhà nước giao, thực hiện chế độ hạch toán kế toán, thống kê, thông tin, báo cáo hoạt động, kiểm toán theo quy định	1			Báo cáo kết quả quản lý, bảo toàn và phát triển vốn	

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
3	Thực hiện quy định công khai, trách nhiệm giải trình hoạt động của đơn vị theo quy định của pháp luật	1			Các quy định về công khai, trách nhiệm giải trình của đơn vị sự nghiệp	
4	Không có công chức, viên chức, người lao động vi phạm kỷ luật, đạo đức lối sống; không có công chức, viên chức vi phạm các tệ nạn xã hội. Có viên chức thuộc quyền quản lý trực tiếp bị kỷ luật (về Đảng, Chính quyền) theo các mức: khởi tố trừ 03 điểm; buộc thôi việc (hoặc cách chức) trừ 2,5 điểm; hạ bậc lương (hoặc giáng chức) trừ 02 điểm; cảnh cáo trừ 1,5 điểm, khiển trách trừ 01 điểm	3			Các văn bản thi hành kỷ luật; theo dõi của Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh, của Sở Nội vụ và các đơn vị có liên quan	
VII	Điểm cộng, điểm trừ	5				
1	Điểm cộng (các thành viên Hội đồng đánh giá cho điểm thưởng đối với các cơ quan, đơn vị có Đề án ứng dụng thực tiễn)	5			Báo cáo giải trình điểm thưởng kèm theo Đề án, dự án hoặc các tài liệu liên quan	
2	Điểm trừ (Các thành viên Hội đồng đánh giá trừ điểm đối với đơn vị như nội dung tại điểm b, khoản 3, Điều 5 của Quy định; mỗi vụ việc trừ 02 điểm; đơn vị bị văn bản phê bình của UBND tỉnh mỗi văn bản trừ 01 điểm; đơn vị bị văn bản yêu cầu rút kinh nghiệm của UBND tỉnh trừ 0,5 điểm)				Văn bản phê bình và các văn bản có liên quan	

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
B	ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Mức độ: HTXSNV; HTTNV; HTNV; KHTNV			Theo quy định Nghị định số 90/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Quy định này	

Phụ lục 4

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ BẢO ĐẢM MỘT PHẦN CHI THƯỜNG XUYÊN, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP DO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Quyết định số: 1725 /QĐ-UBND ngày 25 / 10/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
A	TỔNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CƠ QUAN, TỔ CHỨC (I+II+III+IV+V+VI+VII, không bao gồm điểm trừ)	100				
I	Kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ	59				
	Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sau khi được phê duyệt; thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; hướng dẫn, phổ biến các văn bản mới của Trung ương, của Tỉnh ủy, của HĐND, UBND tỉnh về những lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.					
	Tổng điểm =					
	Số việc thực hiện x số điểm					
	Tổng việc được giao	59				
	<i>* Trong đó số việc thực hiện: là những công việc hoàn thành đúng thời hạn, hiệu quả chất lượng đầu ra được cấp có thẩm quyền phê duyệt</i>					
	<i>* Trường hợp có thực hiện công việc nhưng chậm thời gian theo quy định được tính bằng 1/2 công việc</i>					
	<i>* Trường hợp không thực hiện công việc hoặc tham mưu sai sót được tính là không hoàn thành</i>					

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
-	Thực hiện nhiệm vụ theo Chương trình công tác trọng tâm (Đối với những nhiệm vụ thực hiện chậm vì lý do khách quan và được UBND tỉnh cho gia hạn thì không trừ điểm; đối với những nhiệm vụ không thể thực hiện vì lý do khách quan và được UBND tỉnh thống nhất thì bị trừ 1/2 điểm đối với nội dung đó)	20			- Chương trình công tác được cấp có thẩm quyền phê duyệt; - Báo cáo, văn bản thực hiện của đơn vị; - Kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh; - Những nhiệm vụ trọng tâm đề nghị không trừ điểm phải có giải trình cụ thể	
-	Triển khai, tổ chức thực hiện các văn bản cấp trên (Luật, văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh) về những lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị	36			- Các văn bản chỉ đạo; - Các văn bản triển khai thực hiện của đơn vị; - Kết quả theo dõi của Văn phòng UBND tỉnh	
-	Chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin báo cáo theo quy định của UBND tỉnh hàng tháng, quý, 6 tháng, năm đúng thời gian quy định, chất lượng, đầy đủ thông tin (Cơ quan, đơn vị nộp thiếu báo cáo năm: trừ 1,5 điểm; thiếu báo cáo quý: trừ 01 điểm; thiếu báo cáo tháng: trừ 0,5 điểm; cơ quan, đơn vị nộp chậm theo thời gian quy định hoặc báo cáo không thể hiện đầy đủ thông tin trừ bằng 1/2 tổng điểm quy định đối với từng loại báo cáo, nhưng tổng điểm trừ không quá 3 điểm)	3			Các Báo cáo tháng, quý, năm của cơ quan, đơn vị; kết quả theo dõi của Sở Kế hoạch và Đầu tư	
II	Về tổ chức bộ máy và biên chế	6				
1	Về tổ chức bộ máy, xây dựng Đề án vị trí việc làm	3				

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
	<p>Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ, chức năng, quyền hạn của đơn vị; sắp xếp, tổ chức lại đơn vị phù hợp theo quy định; xây dựng, phê duyệt Đề án vị trí việc làm của đơn vị (Thực hiện bảo đảm theo quy định tính 03 điểm; thực hiện bảo đảm theo quy định nhưng chậm tính 1/2 điểm; chưa thực hiện tính 0 điểm)</p>	3			Báo cáo kết quả, hồ sơ liên quan; kết quả theo dõi của Sở Nội vụ	
2	Về quản lý, sử dụng biên chế	3				
	<p>Việc xây dựng kế hoạch số lượng người làm việc hàng năm, quản lý, tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật viên chức, người lao động theo quy định của pháp luật; ký kết hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ (Thực hiện bảo đảm theo quy định tính 03 điểm; thực hiện bảo đảm theo quy định nhưng chậm tính 1/2 điểm; chưa thực hiện tính 0 điểm)</p>	3			Báo cáo kết quả, hồ sơ liên quan; kết quả theo dõi của Sở Nội vụ	
III	Thực hiện quy định về giao quyền tự chủ tài chính; lập, chấp hành dự toán thu, chi	16				
1	Giao quyền tự chủ tài chính	7				
-	<p>Xây dựng phương án tự chủ tài chính trong giai đoạn ổn định 05 (năm) năm, phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội do Chính phủ quy định và đề xuất phân loại mức độ tự chủ tài chính của đơn vị, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (Thực hiện bảo đảm theo quy định tính 05 điểm; thực hiện bảo đảm theo quy định nhưng chậm tính 1/2 điểm; chưa thực hiện tính 0 điểm)</p>	5			Quyết định phê duyệt hoặc văn bản có ý kiến của cấp có thẩm quyền; kết quả theo dõi của Sở Tài chính	
-	Báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp định kỳ hằng năm	2				

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
+	<i>Thực hiện đảm bảo nội dung, thời hạn</i>	2			Báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm hàng năm; kết quả theo dõi của Sở Tài chính	
+	<i>Thực hiện không đảm bảo nội dung</i>	1				
+	<i>Thực hiện không đảm bảo thời hạn</i>	1				
+	<i>Không thực hiện (hoặc thực hiện nhưng không đảm bảo cả nội dung và thời hạn)</i>	0				
2	<i>Lập dự toán của đơn vị sự nghiệp</i>	4				
-	Lập dự toán thu, chi năm đầu thời kỳ ổn định phân loại đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, nhiệm vụ của năm kế hoạch, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và căn cứ kết quả thu chi tài chính năm trước liền kề	2			Dự toán thu, chi được phê duyệt	
-	Lập dự toán 02 năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định phân loại đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở căn cứ kinh phí ngân sách Nhà nước đảm bảo hoạt động thường xuyên thực hiện chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao của năm trước liền kề và nhiệm vụ tăng hoặc giảm của năm kế hoạch	2			Dự toán thu, chi được phê duyệt	
3	<i>Hạch toán kế toán và quyết toán</i>	5				
-	Định kỳ vào cuối năm, đơn vị sự nghiệp lập báo cáo hạch toán kế toán, báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách và các báo cáo định kỳ khác gửi cơ quan quản lý cấp trên xét duyệt theo quy định <i>(Thiếu 01 báo cáo trừ 01 điểm, tổng số không trừ quá 05 điểm)</i>	5			Báo cáo quý, năm về hoạt động thu, chi ngân sách; kết quả theo dõi của Sở Tài chính	
IV	Thực hiện quy chế dân chủ và công tác dân vận chính quyền	4				
1	<i>Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở</i>	1				

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
-	Thực hiện dân chủ theo quy định tại Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ; thực hiện tốt nội quy, quy chế hoạt động, quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị; công khai các nội dung có liên quan đến trách nhiệm, quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân <i>(không thực hiện 01 nội dung hoặc thực hiện không đầy đủ, hiệu quả chấm 0 điểm)</i>	0,5			Các văn bản triển khai; báo cáo kết quả thực hiện	
-	Xây dựng và triển khai thực hiện tốt Quy chế phối hợp giữa Chính quyền với cấp ủy Đảng, Công đoàn và các tổ chức khác trong việc thực hiện QCDC <i>(không thực hiện 01 nội dung hoặc thực hiện không đầy đủ, hiệu quả chấm 0 điểm)</i>	0,5			Các văn bản triển khai; báo cáo kết quả thực hiện	
2	Công tác dân vận chính quyền	3				
	Hoàn thành tốt	3			Kết quả đánh giá của Sở Nội vụ	
	Hoàn thành khá	2				
	Hoàn thành	1				
	Không hoàn thành	0				
V	Kết quả thực hiện công tác Chuyển đổi số	3				
1	Xếp hạng tốt	3			Kết quả đánh giá của Sở Thông tin và Truyền thông	
2	Xếp hạng khá	2				
3	Xếp hạng trung bình	1				
4	Xếp hạng yếu	0				
VI	Trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao	7				
1	Bảo đảm chất lượng dịch vụ sự nghiệp công theo các tiêu chí, tiêu chuẩn do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định	2			Báo cáo kết quả chất lượng hoạt động được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho ý kiến	

TT	Tiêu chí	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
2	Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản nhà nước giao, thực hiện chế độ hạch toán kế toán, thống kê, thông tin, báo cáo hoạt động, kiểm toán theo quy định	1			Báo cáo kết quả quản lý, bảo toàn và phát triển vốn	
3	Thực hiện quy định công khai, trách nhiệm giải trình hoạt động của đơn vị theo quy định của pháp luật	1			Các quy định về công khai, trách nhiệm giải trình của đơn vị sự nghiệp	
4	Không có công chức, viên chức, người lao động vi phạm kỷ luật, đạo đức lối sống; không có công chức, viên chức vi phạm các tệ nạn xã hội. Có viên chức thuộc quyền quản lý trực tiếp bị kỷ luật (về Đảng, Chính quyền) theo các mức: khởi tố trừ 03 điểm; buộc thôi việc (hoặc cách chức) trừ 2,5 điểm; hạ bậc lương (hoặc giáng chức) trừ 02 điểm; cảnh cáo trừ 1,5 điểm, khiển trách trừ 01 điểm	3			Các văn bản thi hành kỷ luật; theo dõi của Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh, của Sở Nội vụ và các đơn vị có liên quan	
VII	Điểm cộng, điểm trừ	5				
1	Điểm cộng (các thành viên Hội đồng đánh giá cho điểm thưởng đối với các cơ quan, đơn vị có Đề án ứng dụng thực tiễn)	5			Báo cáo giải trình điểm thưởng kèm theo Đề án, dự án hoặc các tài liệu liên quan	
2	Điểm trừ (Các thành viên Hội đồng đánh giá trừ điểm đối với đơn vị như nội dung tại điểm b, khoản 3, Điều 5 của Quy định; mỗi vụ việc trừ 02 điểm; đơn vị bị văn bản phê bình của UBND tỉnh mỗi văn bản trừ 01 điểm; đơn vị bị văn bản yêu cầu rút kinh nghiệm của UBND tỉnh trừ 0,5 điểm)				Văn bản phê bình và các văn bản có liên quan	
B	ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ	Mức độ: HTXSNV; HTTNV; HTNV; KHTNV			Theo quy định Nghị định số 90/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Quy định này	

Phụ lục 5

**TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ HÀNG NĂM
ĐỐI VỚI CÁC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ**

(Kèm theo Quyết định số: 1725 /QĐ-UBND ngày 25 / 10 /2022 của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	Nội dung công việc	Thời gian triển khai	Thời gian hoàn thành	Trách nhiệm thực hiện	Người chỉ đạo	Kết quả công việc (Ghi rõ số văn bản, ngày tháng năm)	Ghi chú
1	3	4	5	6	7	8
1	Tháng...năm...	Tháng... năm...	Chủ trì: ... Phối hợp:	Lãnh đạo Hội...	Kế hoạch, tờ trình, báo cáo số.... ngày.... tháng năm....	
2						
...							